

Bản án số: 45/2018/HS-PT

Ngày 09-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hồng

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Trung Hải

2. Ông Trần Việt Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 95/2018/HSPT ngày 17 tháng 10 năm 2018.

Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Th, Đỗ Xuân S, Hà Đình D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2018/HSST ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Hà Đình D - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 09 tháng 1 năm 1987 tại VC, Yên Bái.

ĐKNKTT: Thôn KT3, xã CT, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở: Thôn KT3, xã CT, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ văn hóa: 12/12

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Tôn giáo: Không

Quốc tịch: V Nam

Con ông: Hà Đình B

Con bà: Lương Thị H

Vợ: Trần Thị Thanh H1 và 01 con sinh năm 2011.

Tiền án: không

Tiền sự: 02

- Ngày 24-7-2017 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau” theo quyết định số 04 ngày 24-7-2017 của Công an xã PL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

- Ngày 14-11-2017 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ cất dấu trong người đồ vật, phương tiện các công cụ dùng trong sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng hoặc cố ý gây thương tích” theo quyết định số 282 ngày 14-11-2017 của Công an thành phố YB.

Bị bắt, tạm giam ngày 29-5-2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Đỗ Xuân S - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977 tại Yên Bái

ĐKNKTT: Khu YN, phường KB, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 01, xã GP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ văn hóa: 7/12

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Tôn giáo: Không

Quốc tịch: V Nam

Con ông: Đỗ Xuân T (đã chết)

Con bà: Lê Thị H2

Vợ: Vũ Thị H4 (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003)

Tiền án: không

Tiền sự: 01

Ngày 25-12-2017 Đỗ Xuân S bị Công an thành phố YB xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” theo Quyết định số 32 ngày 25-12-2017 của Công an thành phố YB.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07-01-2018 đến ngày 08-6-2018 được tại ngoại (Theo Quyết định về việc bảo lãnh số 05/QĐ-VKSTP ngày 08-6-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái). Có mặt.

3. Nguyễn Văn Th - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1992 tại Yên Bái

Nơi cư trú : Thôn HQ, xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ văn hóa: 12/12

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Tôn giáo: Không

Quốc tịch: V Nam

Con ông Nguyễn Văn T1

Con bà: Đỗ Thị V

Vợ, con: chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang được tại ngoại. Có mặt.

Trong vụ án này còn có 01 bị hại, 01 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố YB và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 ngày 04-01-2018 anh Lê Minh C, anh Nguyễn Minh V và chị Đồng Thị L1, chị Nguyễn Thị Thu H1 cùng hát Karaoke tại quán “TOPONE” thuộc phường YT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Sau khi hát xong, đến khoảng 23 giờ 40 anh C đưa L1 đi đến nhà nghỉ “Hồng Kông” thuộc tổ 12, phường YT, thành phố YB, cả hai thuê một phòng để nghỉ. Lúc này, chị Lò Thị L là người ở cùng phòng trọ với L1 gọi điện đến và hỏi L1 đang ở đâu, L1 nói không biết đang ở đâu, chị L dặn L1 đi chơi thì phải về sớm. Tiếp đó, chị L lại gọi điện cho L1, nhưng L1 không nghe máy, vì anh C đã tắt máy điện thoại để không ai liên lạc được với L1. Không gọi được cho L1, chị L gọi điện cho Hà Đình D (là quản lý nhân viên phục vụ quán Karaoke và trực tiếp quản lý chị L1, L và H1) để nói cho

D biết sự việc. Vì D không có mặt ở Yên Bái nên D bảo chị L và chị H1 đi tìm L1. Đồng thời, D gọi điện cho Đỗ Xuân S để nhờ S đi tìm L1, D xin số điện thoại của anh C từ chị H1 và gọi điện cho anh C đe dọa nếu không đưa L1 về ngay thì D sẽ giết C, anh C nghe điện thoại của D không nói gì và tắt máy điện thoại. Sau đó, D gọi điện cho S nhờ đi tìm L1, S đồng ý, S đã gọi điện cho Nguyễn Văn Th rủ Th đi tìm L1, nhưng do Th đang ở Hà Nội nên không đi cùng S được, S đã gọi điện cho chị L để hỏi thông tin về L1 và anh C, chị L nói với S đã đến nhà anh C nhưng anh C không có nhà. S bảo chị L dẫn S đến nhà anh C. Sau đó, S cùng chị L, chị H1 và anh V đi đến nhà anh C ở tổ 06B, phường NG Ph, thành phố YB để tìm anh C nhưng anh C chưa về. Tại nhà anh C, S đã nói cho ông Lê Mai H5 là bố anh C và chị Nông Thị T1 là vợ anh C về việc anh C đưa L1 đi chơi đêm và L1 là người chưa thành niên, yêu cầu anh C về để giải quyết, nếu không S sẽ báo công an, chị T1 và S gọi điện thoại cho anh C nhưng không liên lạc được. Đến khoảng 02 giờ ngày 05-01-2018, sau khi nghỉ cùng nhau, anh C cho L1 tiền để đi taxi về, lúc này chị L1 đã bật điện thoại nên chị L đã liên lạc được với L1, L1 sẽ tự đi về nhà nên cả nhóm đi về không đi tìm anh C nữa. S về đến nhà thì D gọi điện cho S và bàn với S về việc bắt phạt C do C đưa L1 đi chơi đêm. D bảo S đứng ra giải quyết vì hiện D không ở Yên Bái, S nói với D có gì để sớm mai giải quyết. Đến sáng ngày 05-01-2018 anh C biết được việc S đến nhà tìm và dọa báo công an về việc đưa L1 đi nhà nghỉ khi L1 là người chưa thành niên, vì lo sợ D sẽ đánh mình và báo công an về việc đưa L1 đi nhà nghỉ nên anh C đã chủ động liên lạc với cho D. Khi anh C gọi điện cho D, D tiếp tục đe dọa đến nhà tìm anh C, anh C nói với D có như thế nào cho anh C hướng để giải quyết sự việc, D nói với anh C là D không có ở Yên Bái nên bảo anh C liên lạc gặp S để giải quyết. Đến ngày 06-01-2018, D và S nhiều lần gọi điện thoại cho anh C, D là người trực tiếp yêu cầu anh C phải đưa cho D số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), Do lo sợ bị D đánh và báo công an nên C đồng ý đưa tiền theo yêu cầu của D, vì không có đủ tiền nên anh C xin D giảm bớt số tiền trên, D đồng ý bớt cho C 5.000.000 đồng, còn 25.000.000 đồng tiền phạt phải đưa cho D. Khi thống nhất được số tiền phạt với anh C, D gọi điện nói lại cho S biết sự việc và bảo S liên lạc với anh C để lấy tiền. S liên lạc với anh C và hẹn buổi chiều sẽ gặp để lấy tiền. Đến khoảng 14 giờ 06-01-2018 S đến nhà anh Nguyễn Ngọc L3 ở số 562, đường ĐB, thành phố YB chơi thì gặp Th, S nói cho Th biết việc D phạt tiền anh C và rủ Th đi lấy tiền, sau khi liên lạc với nhau, C hẹn gặp S ở quán cà phê 86 thuộc tổ 75B phường Nguyễn Thái Học, Tp Yên Bái để giao nhận tiền với nhau, khi S và Th đi gần đến quán cà phê 86, S ngồi uống nước gần đó và bảo Th đến gặp C để lấy tiền, khi gặp được C, Th nói lấy tiền hộ D và S, C đồng ý, và yêu cầu Th phải viết giấy nhận tiền, sau khi viết giấy nhận tiền xong, do không đủ tiền nên C chỉ giao cho Th 20 triệu đồng, khi Th đang nhận tiền thì bị Công an thành phố YB bắt quả tang. Biết Th bị bắt, Đỗ Xuân S, Hà Đình D đã bỏ trốn. Đến ngày 7/1/2018 S đã đến công an thành phố YB đầu thú. Đến ngày 29.5.2018 Hà Đình D bị bắt.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HSST ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Đình D, Đỗ Xuân S và Nguyễn Văn Th phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Đình D **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ 29-5-2018.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 170; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Xuân S **02 (hai) năm** tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 05 tháng 03 ngày, còn phải chấp hành **01 (một) năm 06 (sáu) tháng 27 (hai bảy) ngày**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 170; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Bản án sơ thẩm con xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/7/2018, các bị cáo Nguyễn Văn Th và Đỗ Xuân S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 31/7/2018 Bị cáo Hà Đình D có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái giữ quyền công tố tại phiên tòa, qua phân tích đánh giá và xem xét các tình tiết của vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c,e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm số 37/2018/HSST ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố YB theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Hà Đình D từ 1 năm 4 tháng đến 1 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2018.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Xuân S 01 năm đến 01 năm 3 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn Th 05 đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th cho UBND xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục bị cáo.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không tranh luận gì, bị cáo Nguyễn Văn Th và Đỗ Xuân S đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, bị cáo Hà Đình D đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Th, Đỗ Xuân S, Hà Đình D trong hạn luật định và hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận: Xuất phát từ việc ngày 04-01-2018 anh Lê Minh C, anh Nguyễn Minh V và chị Đồng Thị L1, chị Nguyễn Thị Thu H1 cùng hát Karaoke tại quán TOPONE, sau đó C đưa L1 đi đến nhà nghỉ “Hồng Kông” để nghỉ, chị Lò Thị L tìm L1 không thấy nên gọi điện cho Hà Đình D, D gọi điện cho Đỗ Xuân S để nhờ S đi tìm L1, D gọi điện cho anh C đe dọa nếu không đưa L1 về ngay thì D sẽ giết C, Sau đó, S cùng chị L, chị H1 và anh V đi đến nhà anh C nhưng anh C chưa về. S đã nói cho ông Lê Mai H5 là bố anh C và chị Nông Thị T1 là vợ anh C biết về việc anh C đưa L1 đi chơi đêm và L1 là người chưa thành niên, yêu cầu anh C về để giải quyết, nếu không S sẽ báo công an, chị Tư và S gọi điện thoại cho anh C nhưng không liên lạc được. Đến khoảng 02 giờ ngày 05-01-2018, sau khi nghỉ cùng nhau, anh C cho L1 tiền để đi taxi về, lúc này L1 đã bật điện thoại nên L đã liên lạc được với L1, biết L1 đã về nhà nên cả nhóm không đi tìm anh C nữa. Sau đó D nhiều lần gọi điện thoại đe dọa C và yêu cầu C phải gặp D và S để giải quyết sự việc dẫn L1 đi nhà nghỉ, D là người trực tiếp yêu cầu anh C phải đưa cho D số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), Khi C đồng ý, D gọi điện và nói lại cho S biết, bảo S liên lạc với anh C để lấy tiền. S rủ Th đi lấy tiền, khi gặp anh C, Th nói với anh C là đến nhận tiền hộ S và D, anh C yêu cầu Th viết giấy nhận tiền, sau khi Th viết giấy biên nhận xong, nhưng do không đủ tiền nên anh C chỉ giao cho Th 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), khi Th đang nhận tiền thì bị Công an thành phố YB bắt quả tang và tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng.

Xét lời khai của các bị cáo Th, S và D tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Th, S và D về tội Cố gắng đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hà Đình D, hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, xem xét đến nhân thân bị cáo và áp dụng cho bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, người phạm tội thành khẩn khai báo, và người bị hại đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được qui định tại điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào, ở lần phạm tội này do bị cáo thiếu hiểu biết về pháp luật. Bị cáo nghĩ rằng việc C đưa L1 đi nhà nghỉ để quan hệ tình dục khi

L1 chưa đủ 18 tuổi là vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên mới đe dọa, tố giác C đến Công an, để C lo sợ nhằm chiếm đoạt tài sản của anh C. Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo đã được phát hiện, ngăn chặn kịp thời, người bị hại chưa bị thiệt hại về tài sản nhưng hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh theo pháp luật là cần thiết. Tuy nhiên mức phạt 2 năm 6 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nghiêm khắc chưa tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy cần giảm 1 phần hình phạt cho bị cáo.

Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Đỗ Xuân S, hội đồng xét xử thấy: Chỉ vì hám lợi khi biết anh C đưa chị L1 là người chưa đủ 18 tuổi đi nhà nghỉ để quan hệ tình dục, cho rằng anh C vi phạm pháp luật nên lợi dụng vào đó đe dọa, tố giác hành vi của anh C trước cơ quan Công an, làm anh C lo sợ để nhằm chiếm đoạt tài sản của anh C, bị cáo nhận thức được việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được những sai phạm của bản thân đã đến công an đầu thú, và thành khẩn khai báo trước cơ quan điều tra về những hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố đẻ là người có công trong kháng C, được nhà nước tặng thưởng huân chương, hành vi phạm tội của bị cáo đã được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, nên tài sản của người bị hại đã được thu giữ, trả lại cho bị hại, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngay sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự giác nộp toàn bộ số tiền án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện trách nhiệm, ngjhiax vụ của mình với nhà nước. Mặc dù bị cáo có 4 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h,p khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng nhưng do bị cáo có 1 tiền sự về tội đánh bạc nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, xét về vai trò bị cáo là thứ yếu trong vụ án, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét cho bị cáo được hưởng chế định quy định tại điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt, cũng đủ để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn Th, hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này bị cáo không phải là người trực tiếp đe dọa anh C nhằm chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên khi S nhờ bị cáo đến gặp C để lấy tiền hộ S và D, S có nói cho Th biết về việc D đe dọa và phạt tiền anh C về việc C đã đưa L1 đi nhà nghỉ, như vậy Th chỉ là người giúp sức, và có vai trò không đáng kể, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51, 1 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 và không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng. Mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là chưa tương xứng, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng quy định tại Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo với mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Vì vậy kháng cáo của bị

cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo của các bị cáo Hà Đình D và Đỗ Xuân S và Nguyễn Văn Th được hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hà Đình D và Đỗ Xuân S. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn Th, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Yên Bái như sau:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Đình D, Đỗ Xuân S và Nguyễn Văn Th phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Hà Đình D 01 năm 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2018.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Xuân S 09 (chín) tháng tù, được khấu trừ 05 tháng 03 ngày tù, còn phải chấp hành 3 tháng 27 ngày tù, tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, hoặc từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn Th 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th cho UBND xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục bị cáo.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hà Đình D và Đỗ Xuân S, Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT 1 - TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND TP Yên Bái;
- Công an TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Hoàng Trọng Hồng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND thành phố YB;
- Công an thành phố YB;
- Chi cục THADS thành phố YB;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo (Tại ngoại tại nơi cư trú);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần V Hà